

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2025/DS-ST
Ngày: 26 – 8 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Duyên Văn Hiền
- Bà Lê Trường An

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần D1.

Địa chỉ: Số B B, N, Phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ.

Nay là: Số B B, N, Phường C, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của nguyên đơn: Ông TOSHIYUKI ISHII – Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1988 – Chuyên viên phụ trách công nợ của Công ty cổ phần D1 (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2025), (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Bà Đào Hà Thị Tường D (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Công Nghiệp, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nay là: Ấp Công Nghiệp, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 21/5/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 10 năm 2020, Công ty cổ phần D1 có cung cấp 17 đơn hàng là các loại thuốc tây cho vợ chồng bà Đ Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 theo số lượng, chủng loại đặt hàng của ông N1 và bà D với tổng số tiền 162.185.508đ, ông N1 và bà D đã thanh toán được 59.185.508đ. Ngày 30/9/2020, hai bên gặp nhau kết toán công nợ thì bà D và ông N1 còn nợ Công ty tổng số tiền 103.000.000đ. Ngày 26/11/2020, ông Huỳnh Văn N1 có biên bản thỏa thuận cam kết thanh toán nợ cho Công ty mỗi tháng 8.000.000đ nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Từ nội dung trên, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần D1 số nợ gốc 103.000.000đ và nợ lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày quyết toán công nợ đến nay (30/9/2020 đến 26/8/2025) với mức lãi suất 10%/năm.

* Đối với bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên họp hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông N1 và bà D vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông N1 và bà D theo luật định. Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên và bị đơn đặt ra được xác định là hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ. Hàng hoá, dịch vụ các bên mua bán là các loại thuốc chữa bệnh (thuốc tây). Quá trình mua bán, sau khi quyết toán công nợ thể hiện tại thông báo xác nhận công nợ ngày 30/9/2020 giữa đại diện Công ty cổ phần D1 với bà Đào Hà Thị Tường D, tổng số tiền 103.000.000đ.

[3] Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn tuy không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản nhưng trên thực tế có giao kết hợp đồng bằng lời nói, không xác định thời hạn, đến nay hợp đồng đã chấm dứt mà các bên không giao kết lại hợp đồng mới hoặc ký phụ lục hợp đồng, bên cạnh đó bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[4] Song, vấn đề đặt ra là nghĩa vụ phải thanh toán nợ, thời gian và phương thức thanh toán nợ như thế nào. Hội đồng xét xử xét thấy: Về khoản nợ giữa các bên đã có biên bản quyết toán công nợ ngày 30/9/2020 thể hiện số tiền bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 nợ là 103.000.000đ, điều này cũng được ông Huỳnh Văn N1 thừa nhận và cam kết trả nợ nhưng không thực hiện. Do đó, buộc

bà Đ Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty cổ phần D1 số nợ gốc 103.000.000đ là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Thời điểm bà D và ông N1 quyết toán công nợ cho Công ty cổ phần D1 là ngày 30/9/2020, thời điểm này Bộ luật Dân sự 2015 đang có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Từ ngày quyết toán công nợ 30/9/2020 đến nay nhưng bà D và ông N1 không thanh toán tiền nợ, đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty nên buộc bà D và ông N1 phải có trách nhiệm trả lãi cho Công ty trên số tiền đã mua hàng do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

Từ ngày 30/9/2020 (ngày quyết toán công nợ) đến nay 26/8/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 04 năm 10 tháng 26 ngày, lãi suất được xác định là: $103.000.000đ \times 10\%/năm \times 04 \text{ năm } 10 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 50.527.188đ$.

Như vậy, tổng số nợ gốc, nợ lãi buộc bà D và ông N1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần D1 là $103.000.000đ + 50.527.188đ = 153.527.188đ$.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án nên không đề cập giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[7] Về nghĩa vụ chứng minh: Việc bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 không có ý kiến phản hồi và không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông N1 và bà D phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[8] Về án phí: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do đó buộc bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Công ty cổ phần D1 không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được trả lại theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 288, 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần D1 – buộc bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 có nghĩa vụ trả cho Công ty tổng số tiền 153.527.188đ (*Một trăm năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn một trăm tám mươi tám đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 phải chịu 7.676.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty cổ phần D1 không phải chịu án phí, ngày 05/6/2025, Công ty đã nộp tạm ứng án phí 3.786.275đ theo biên lai số: 5727 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần D1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Hà Thị Tường D và ông Huỳnh Văn N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải

